

Số: /TB-SYT

Lai Châu, ngày tháng 5 năm 2024

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động y tế cơ sở năm 2023 tại Trung tâm Y tế huyện Tam Đường

Căn cứ Quyết định số 526/QĐ-SYT ngày 19/9/2023 của Sở Y tế tỉnh Lai Châu về việc thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của tuyến y tế cơ sở năm 2023;

Thực hiện kế hoạch số 145/KH-SYT ngày 19/9/2023 của Sở Y tế Lai Châu về việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của tuyến y tế cơ sở năm 2023.

Nhằm đánh giá chất lượng, tiến độ các hoạt động của tuyến y tế cơ sở năm 2023, ngày 09/5/2024 Đoàn đã tiến hành kiểm tra, đánh giá hoạt động tại Trung tâm Y tế huyện Tam Đường, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ KIỂM TRA

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

Trung tâm Y tế triển khai thực hiện chỉ tiêu theo Quyết định số 1188/QĐ-SYT ngày 27/12/2022 của Sở Y tế về việc giao kế hoạch Bảo vệ và Chăm sóc sức khỏe nhân dân năm 2023; Trung tâm Y tế đã ban hành Quyết định số 01/QĐ-TTYT ngày 04/01/2023 về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân huyện Tam Đường năm 2023. Kết quả như sau:

Các chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch: 26/33 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch giao, 7/33 chỉ tiêu không đạt kế hoạch giao cụ thể:

(1) Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân 6,6/giao 7,6.

(2) Tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế 93,6%/giao 100%.

(3) Trạm y tế có nữ hộ sinh hoặc y sỹ sản nhi 92,3%/giao 100%

(4) Tiêm chủng mở rộng: Tiêm bù cho trẻ thuộc diện năm 2023 tính đến tháng 4/2024: Trẻ < 1 tuổi tiêm đầy đủ 8 loại vắc xin là 700/991 đạt 70,64% chưa đạt chỉ tiêu giao 95,46%. Trẻ 18 tháng tiêm DPT 4: 981/1.081 đạt 90,8%/giao 98,06% (đủ vắc xin tuy nhiên chưa đạt).

(5) Tỷ lệ phụ nữ sinh con thứ 3 trở lên 16,2%/giao 14%.

(6) Tỷ lệ sàng lọc trước sinh 23,6%/giao 30%.

(7) Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh 16,8%/giao 50%.

* Khó khăn, tồn tại:

+ Tỷ lệ sinh con thứ 3 cao chủ yếu tại các xã khó khăn có đồng bào dân tộc Mông sinh sống.

+ Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân không đạt do chưa được bổ sung bác sỹ, một số bác sỹ bỏ hoặc chuyển công tác.

+ Thôn bản chưa có đủ nhân viên y tế do bỏ, nghỉ; chế độ hỗ trợ còn thấp; chưa tìm được nguồn thay thế, bổ sung.

+ Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ chưa đạt do Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương cung ứng chưa đủ vắc xin SII, IPV; Trẻ 18 tháng tiêm DPT 4 chưa đạt do tỷ lệ do phải gom đối tượng tiêm cùng đợt tránh hao phí vắc xin.

- Chỉ tiêu chuyên môn: Tỷ lệ sàng lọc trước sinh, sơ sinh thấp do nhận thức và người dân chưa quan tâm đến sàng lọc phát hiện bệnh cho phụ nữ mang thai và trẻ nhỏ; kinh phí được cấp để thực hiện muộn nên một số phụ nữ mang thai cần sàng lọc đã qua thời gian lấy mẫu.

2. Hệ thống tổ chức và nhân lực

*** Hệ thống tổ chức**

Trung tâm Y tế huyện Tam Đường là đơn vị thực hiện 2 chức năng: Dự phòng và Điều trị.

- Các phòng chức năng gồm: Phòng TC-HC, Phòng KHNV-ĐD, Phòng TC-KT, Phòng Dân số - truyền thông GDSK.

- Khoa lâm sàng: Khoa Nội; Khoa Ngoại; Khoa Nhi; Khoa Cấp cứu – HSTC và CĐ-PT-GMHS; Khoa khám bệnh; Khoa Truyền nhiễm; Khoa YHCT, khoa CSSKSS/phụ sản; Khoa Liên chuyên khoa.

- Khoa cận lâm sàng: Khoa dược-VT-TBYT, Khoa xét nghiệm-chẩn đoán hình ảnh, Khoa chống nhiễm khuẩn.

- Khoa thuộc hệ dự phòng: Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS - tu vấn và điều trị nghiện chất, Khoa VSATTP, YTCC và dinh dưỡng.

- Tuyến xã: Gồm 12 trạm y tế xã, 1 thị trấn và 126 bản

*** Nhân lực:**

- Tổng số có 225/241 biên chế giao, trong đó: 220 biên chế, 05 hợp đồng theo (Nghị định 68/NĐ-CP, Nghị định 111/NĐ-CP). Có 118 y tế thôn bản và 17 cô đỡ thôn bản.

- Về cơ cấu chuyên môn:

+ Sau đại học 10 người (trong đó 01 BSCKII RHM, 02 BSCKI sản, 01 BSCKI gây mê, hồi sức; 01 BSCKI YHCT; 01 BSCK I Nhi; 01 BSCKI Ngoại; 01 BSCKI truyền nhiễm; 02 BSCKI YHGĐ)

+ Đại học 85 người, trong đó: 01 BS YHCT; 28 BSĐK; 29 CN điều dưỡng, 03 đại học điều dưỡng chuyên ngành phụ sản; 07 YTCC; 07 dược; 04 kỹ thuật viên; 06 đại học khác.

+ Cao đẳng 19 người, trong đó: 10 điều dưỡng, 03 KTV; 04 NHS; 02 khác.

+ Trung cấp 97 người (Y sỹ đa khoa 47; Y sỹ YHCT 07; dược sỹ 14; điều dưỡng 12; Hộ sinh 7; kỹ thuật viên: 1; khác 9).

* Công tác phát triển nguồn nhân lực:

- Đơn vị đã cử 300 lượt người đi đào tạo liên tục, tập huấn về chuyên môn, quản lý các chương trình y tế.

- Trong năm đã hoàn thành hồ sơ cử đi đào tạo mới: 21 trường hợp (01 BS học CKII, 06 BS đi học CKI; 03 y sỹ đi học Bác sỹ đào khoa; 02 cử nhân y tế công cộng; 02 cao đẳng dược; 01 cao đẳng hộ sinh; 01 cao đẳng xét nghiệm; 05 cao đẳng điều dưỡng (đang chờ kết quả xét tuyển).

- Năm 2023 duy trì đào tạo: 48 trường hợp (02 BS chuyên khoa I; 02 bác sỹ YHCT; 10 cao đẳng dược; 10 y sỹ lên cao đẳng điều dưỡng; 17 đại học điều dưỡng; 04 cao đẳng NHS; 03 đại học nữ hộ sinh).

* Khó khăn tồn tại:

- Đội ngũ cán bộ y tế tuy đủ về số lượng nhưng về cơ cấu chưa đảm bảo; Chỉ tiêu bác sỹ/vạn dân chưa đạt so với kế hoạch giao.

- Thiếu bác sỹ có trình độ chuyên khoa, một số trạm y tế xã thiếu về số lượng và cơ cấu nhân lực, trình độ cán bộ chưa đồng đều nên chưa đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Tình trạng bỏ việc, chuyển công tác khiến cho nhân lực tại Trung tâm y tế thiếu; Cán bộ y tế đặc biệt tuyển xã chủ yếu vẫn chưa học nâng cao trình độ nên chất lượng y, bác sỹ còn chưa đồng đều.

- Một số khoa, phòng còn thiếu cấp trưởng hoặc cấp phó các phòng, khoa, trạm y tế chưa đảm bảo theo quy định.

3. Cung ứng dịch vụ Y tế

3.1. Công tác khám chữa bệnh

- Tổng số giường bệnh kế hoạch tại bệnh viện là 110 giường, đạt 18,7 giường/vạn dân; duy trì từ 4-6 giường bệnh/xã. Tổng số lần khám bệnh thực hiện cả năm 151.264/147.000 lượt đạt 104% kế hoạch giao, tăng 4% so với năm 2022; Điều trị nội trú thực hiện cả năm 7.020/6.400 lượt bệnh nhân đạt 110% kế hoạch giao, tăng 10% so với năm 2022; Kế đơn và điều trị ngoại trú thực hiện cả năm 63.343/66.000, đạt trên 96%, tăng 7% so với năm 2022. Công suất sử dụng giường bệnh đạt 111%, tăng 9% so với năm 2022.

3.2. Thực hiện danh mục kỹ thuật (DMKT): Tỷ lệ dịch vụ kỹ thuật thực hiện tại đơn vị đạt 57,6%; tuyến xã 52%.

Tồn tại: Tỷ lệ thực hiện dịch vụ kỹ thuật tại trạm y tế đạt thấp so với Thông tư 43/TT-BYT; Danh mục Trang thiết bị đạt thấp theo Thông tư 28/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020.

3.3. Thực hiện Đề án 1816 và luân phiên, đề án bệnh viện vệ tinh và khám chữa bệnh từ xa

* Kết quả thực hiện:

- Cử đi cán bộ đào tạo, tập huấn chuyên môn 22 lớp với tổng số 251 viên chức; tham dự hội chẩn, sinh hoạt khoa học 6 buổi với 66 người tham dự với các

bệnh viện E trung ương, BV Nhi trung ương, BV Ung bướu Hà nội... Tổng số buổi sinh hoạt khoa học 10 buổi có 135 người tham gia

- Triển khai thường xuyên các dịch vụ kỹ thuật ngoại, sản, LCK tại bệnh viện; đến tháng 11/2023 thực hiện 509 ca.

- Xây dựng nhu cầu chuyên giao kỹ thuật, bố trí các kíp tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật từ tuyến trên; Xây dựng kế hoạch và phân công các bác sỹ trực tiếp hỗ trợ, chuyển giao kỹ thuật theo hình thức cầm tay chỉ việc tại các xã, thị trấn; 5 trạm có bác sỹ biên chế tại trạm (Bản Giang, Bản Bo, Thèn Sin, Giang Ma, Hồ Thầu) chuyển giao kỹ thuật cho tuyến xã 12 kỹ thuật.

* Tồn tại: Do thiếu bác sỹ, bác sỹ chủ yếu bố trí hoạt động chuyên môn tại Trung tâm y tế kiêm nhiều công việc, khoa phòng vì vậy việc thực hiện chế độ luân phiên, chuyển giao kỹ thuật cho trạm y tế xã chưa được đảm bảo thường xuyên.

3.4. Hồ sơ sức khỏe điện tử: Chỉ đạo triển khai Quyết định số 5349/QĐ-BYT ngày 12/11/2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt kế hoạch triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử và chỉ đạo về chuyên môn của Sở Y tế. Tỷ lệ dân số có hồ sơ sức khỏe điện tử 52.298/58.920 người đạt 88,7%; tỷ lệ hồ sơ được cập nhật thông tin thẻ căn cước công dân 46.221/58.920 dân số đạt 78,4%. Hiện tại đã có 55% người dân trên địa bàn được quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử.

Tồn tại khó khăn:

- Người dân chưa đủ điện thoại thông minh để cài đặt, khai thác ứng dụng phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Người dưới 14 tuổi chưa có CCCD: khó liên thông, cập nhật thông tin vào phần mềm (*phải thực hiện thủ công*).

4. Công tác dự phòng và vệ sinh môi trường

4.1. Công tác phòng chống dịch

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm triển khai các văn bản chỉ đạo của các cấp, ngành về công tác phòng chống dịch, điều chỉnh phương án phòng chống dịch Covid-19 sang bệnh truyền nhóm B theo 3896/QĐ-BYT ngày 19/10/2023 của Bộ Y tế:

- Lũy tích số ca mắc Covid-19 từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023: 105 ca; lũy tích số ca khỏi: 106 ca (năm 2022 chuyển sang 01 ca). Số ca Covid-19 hiện đang điều trị: 0 ca. Số ca tử vong: không.

- Mô hình bệnh truyền nhiễm: Cúm 2.218 ca, Tiêu chảy 1.483 ca, Adeno virut 560 ca, Thủy đậu 79ca, Quai bị 06 ca, tay chân miệng 11 ca. Số bệnh nhân bị chó mèo nghi dại cần đến tiêm phòng vắc xin Đại là 175 trường hợp.

4.2. Chương trình tiêm chủng mở rộng

- Công tác triển khai tiêm vắc xin Covid-19: Chỉ đạo triển khai tiêm chủng vắc xin phòng Covid-19 cho các nhóm đối tượng theo phân bổ của Sở Y tế, cụ thể: Trong năm tổ chức tiêm cho người trên 18 tuổi được: 463 liều, tiêm cho trẻ từ 5 đến dưới 12 tuổi được: 147 liều. Lũy tích, tổng số liều vắc xin đã tiêm 149.207 liều. Tỷ lệ trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi: mũi 1 đạt 98,8%; mũi 2 đạt 97,9%.

Tỷ lệ trẻ từ 12 đến dưới 18 tuổi được tiêm vắc xin: 1 mũi đạt 98,9%; 2 mũi đạt 97,5%. mũi 3 đạt 91,6%. Tỷ lệ người từ 18 tuổi: mũi 01 đạt 98,5%; Mũi 2 đạt 98,5%; tiêm liều nhắc lại lần 1 đạt 98,6%; liều nhắc lại lần 2 đạt 99,9% (trên đối tượng đủ điều kiện tiêm theo hướng dẫn của BYT).

- Tổ chức tiêm chủng thường xuyên tại 100% các xã, thị trấn; phối hợp với chính quyền địa phương tuyên truyền cho người dân về lợi ích của tiêm chủng phòng bệnh.

+ Tổng số trẻ tiêm chủng đầy đủ ước thực hiện đạt 62,66% giảm 19,8% so với cùng kỳ năm 2022 (do thiếu vắc xin DPT-VGB-Hib và vắc xin Sởi).

+ Tổng số phụ nữ mang thai được tiêm UV2+ ước thực hiện đạt 90,74%; tương đương so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tổng số trẻ tiêm VNNB mũi 1+2 ước thực hiện đạt 97,11%; tương đương so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tổng số trẻ tiêm VNNB mũi 3 ước thực hiện đạt 96,6%; tương đương so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tổng số trẻ 18 tháng tiêm Sởi-Rubella ước thực hiện đạt 98,1%; tăng 22,5% so với cùng kỳ năm 2022.

+ Tổng số trẻ 18 tháng tiêm DPT4 ước thực hiện đạt 19,5%, giảm 61,5% so với cùng kỳ năm 2022 (Thiếu vắc xin từ TW).

- Tỷ lệ trẻ tiêm viên gan B trong 24 giờ ước thực hiện trẻ đạt 80%, tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2022.

- Chiến dịch tiêm cho trẻ 8 tuổi: 1.309/1.339 đạt 97,8% KH

- Chiến dịch tiêm Uốn ván cho phụ nữ mang thai và nữ đủ 15 tuổi đến 35 tuổi: 802/875 đạt 91,6% đạt chỉ tiêu KH.

Tồn tại hạn chế: Vật tư tiêm chủng bảo quản chưa đúng quy định vì để chung với kho bảo quản vắc xin theo GSP; Kho bảo quản vắc xin theo GSP chưa có âm kế theo dõi nhiệt độ phòng; Chưa cập nhật, theo dõi vào sổ quản lý vắc xin tại điểm tiêm phòng Đại.

4.3. Chương trình phòng chống HIV/AIDS

Trong năm phát hiện 06 ca nhiễm HIV, giảm 7 ca so với cùng kỳ năm 2022; lũy tích nhiễm HIV 584 người, tử vong 355 người, Số người nhiễm HIV còn sống quản lý được 229 người; tỷ lệ nhiễm HIV/AIDS 0,39%. Xét nghiệm cho phụ nữ mang thai ước thực hiện: 1.109 người; Tư vấn xét nghiệm tại phòng VCT ước thực hiện: 201 người đạt chỉ tiêu kế hoạch giao.

- Số bệnh nhân điều trị ARV tại đơn vị 144 BN đạt chỉ tiêu kế hoạch giao (số bệnh nhân HIV điều trị tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh 47 BN, tại tỉnh khác 01 BN). Tỷ lệ điều trị ARV/số nhiễm chiếm 84% (09 BN của Tân Uyên).

- Hoạt động điều trị Methadone: Tổng bệnh nhân hiện đang điều trị tại cơ sở 172 bệnh nhân (tại huyện 110; điểm cấp Sơn Bình 40, Thèn Sin 22).

4.4. Chương trình phòng, chống sốt rét

Công tác tuyên truyền về các biện pháp phòng bệnh quan tâm; tổ chức khám phát hiện, điều trị bệnh nhân sốt rét lâm sàng và cấp thuốc tự điều trị dự phòng cho đối tượng nguy cơ cao. Tình hình sốt rét tại thời điểm báo cáo ổn định. Lam máu phát hiện thực hiện 3.094 lam đạt 100%; tương đương so với năm 2022. Không phát hiện ca, bệnh nhân mắc sốt rét.

4.5. Chương trình phòng chống Lao

Tổ chức khám sàng lọc, lấy mẫu xét nghiệm cho các đối tượng nghi mắc lao và đối tượng có nguy cơ cao, đặc biệt trong nhóm nhiễm HIV/AIDS, người nhà bệnh nhân lao tại các xã; tăng cường giám sát việc tuân thủ điều trị của bệnh nhân tại nhà, quản lý tốt bệnh nhân lao đang điều trị trên địa bàn huyện.

- + Bệnh nhân nghi lao đến khám 412 đạt 91,5%; tăng 31% so với năm 2022.
- + Lam phát hiện thực hiện 828 đạt 92%; tăng 31% so với năm 2022.
- + Bệnh nhân phát hiện mới 15, trong đó AFB (+) 10 bệnh nhân.
- + Tỷ lệ bệnh nhân lao điều trị khỏi đạt 100%.
- + Tỷ suất mắc lao/100.000 dân: 25,3 (BN quản lý trong năm 15).

4.6. Chương trình phòng chống bệnh Phong - da liễu: Tổ chức khám điều tra phát hiện bệnh nhân mới tại các xã, thị trấn. Tổng số bệnh nhân hiện đang quản lý và điều trị 4 bệnh nhân (Thèn Sin 01, Tả Lèng 03); khám bệnh nhân mắc các bệnh về da 11.624 lượt đạt 95%; Tương đương so với năm 2022. Bệnh nhân mắc các bệnh về da được điều trị 3.410 đạt 102%; tương đương năm 2022.

4.7. Chương trình chăm sóc sức khỏe tâm thần cộng đồng: Công tác quản lý, chăm sóc sức khỏe tâm thần được quan tâm, tổ chức khám phát hiện và điều trị cho bệnh nhân tâm thần 13/13 xã, thị trấn. Tổng số bệnh nhân quản lý và điều trị 106 bệnh nhân (Tâm thần phân liệt 63, động kinh 39, trầm cảm 4); bệnh nhân phát hiện mới: 08 bệnh nhân (tâm thần phân liệt 06, động kinh 01, trầm cảm 01); bệnh nhân ổn định 104 (tâm thần phân liệt 63, động kinh 36, trầm cảm 04).

4.8. Chương trình nước sạch - vệ sinh môi trường: Phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng và sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh. Số hộ gia đình xây dựng mới 329 nhà tiêu HVS đạt 131% kế hoạch. Tổng số hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh 9.347 hộ; tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nhà tiêu HVS đạt 78,6%, tăng 1,5% so với năm 2022.

4.9. Đối với các bệnh không lây nhiễm

- Phòng chống bệnh đái tháo đường: Quản lý tốt bệnh nhân đái tháo đường, tiền đái tháo đường tại các xã, thị trấn. Tổng số bệnh nhân đái tháo đường quản lý: 147 bệnh nhân, phát hiện mới: 16 Bệnh nhân; bệnh nhân tiền đái tháo đường quản lý: 409 bệnh nhân, phát hiện mới: 02 bệnh nhân.

- Phòng chống bệnh Tăng huyết áp: Tổ chức khám, điều trị bệnh nhân Tăng huyết áp tại Bệnh viện và các xã với tổng số bệnh nhân điều trị 889 bệnh nhân. Tổng số bệnh nhân quản lý 2.223; phát hiện mới 187.

4.10. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

a) Chăm sóc sức khỏe sinh sản:

* Kết quả thực hiện: Triển khai cung cấp các dịch vụ KHHGD tại các xã, thị trấn. Thường xuyên giám sát hỗ trợ tuyến xã về công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản và thực hiện các dịch vụ KHHGD tại trạm.

+ Tổng số phụ nữ đẻ được quản lý đạt 98,4%; tăng 0,2% so với năm 2022.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai đủ 3 lần/3 kỳ đạt 83,8%; tăng 4,8% so với năm 2022.

+ Tỷ lệ phụ nữ đẻ được CBYT đỡ đạt 88,5%; tăng 2,5% so với năm 2022.

- Tổng số khám phụ khoa thực hiện 6.779/6.400 người đạt 104,4%; tăng 8,4% so với năm 2022.

- Tổng số điều trị phụ khoa thực hiện 1.841/1.650 người đạt 109,6%; tăng 12,6% so với năm 2022.

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống chiếm 5,1‰.

- Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống chiếm 5,1‰.

* Tồn tại, hạn chế:

- Trong quý I năm 2024 trên địa bàn huyện xảy ra 01 trường hợp tử vong mẹ tại xã Hồ Thầu do Băng huyết sau đẻ (nơi xảy ra tai biến: Tại TTYT huyện, nơi tử vong tại BVĐK tỉnh Lai Châu).

- Không xây dựng Kế hoạch triển khai Đề án vị thành niên thanh niên năm 2023.

- Chưa xây dựng Kế hoạch Can thiệp giảm tử vong trẻ em dưới 5 tuổi năm 2024.

b) Phòng chống SDD trẻ em: Số trẻ dưới 5 tuổi được quản lý 5.456 trẻ, số trẻ dưới 5 tuổi được cân, đo lên biểu đồ tăng trưởng là 5.352 trẻ, đánh giá tình trạng dinh dưỡng cho trẻ theo quy định. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD cân nặng theo tuổi chiếm 17,13%, giảm 1,62% so với năm 2022. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD chiều cao theo tuổi chiếm 23,94%, giảm 1,5% so với năm 2022.

5. Công tác đảm bảo An toàn vệ sinh thực phẩm

* Kết quả thực hiện:

- Quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về VSATTP đối với các cơ sở dịch vụ ăn uống, bếp ăn tập thể, thức ăn đường phố.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền trực tiếp 231 buổi với 6.067 lượt người tham dự; phát trên hệ thống loa truyền thanh 175 lượt; phát thanh trên Đài truyền hình huyện 06 lượt.

- Đã phối hợp kiểm tra được 701 lượt cơ sở thực phẩm (05 cơ sở Sản xuất, chế biến; 465 cơ sở Kinh doanh; 97 cơ sở Dịch vụ ăn uống; 74 Bếp ăn tập thể và 60 cơ sở thức ăn đường phố).

- Thực hiện 520 test xét nghiệm nhanh thực phẩm, không phát hiện test

dương tính với mẫu thử.

- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho 06 cơ sở.

* Tồn tại:

- Trên địa bàn huyện ghi nhận 01 vụ ngộ độc thực phẩm, với 07 người mắc, không có ca tử vong.

- Phát hiện 50 cơ sở vi phạm, xử lý phạt tiền 7 cơ sở (số tiền 7.500.000đ); nhắc nhở 43 cơ sở với các lỗi chủ yếu là giấy khám sức khỏe quá hạn, chưa thực hiện xác nhận tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, bán hàng hết hạn sử dụng.

6. Công tác dân số - KHHGD và Truyền thông giáo dục sức khỏe

6.1. Công tác Dân số - KHHGD

* Kết quả thực hiện:

- Chủ động tham mưu cho UBND huyện, Ban Chỉ đạo huyện ban hành các kế hoạch về công tác dân số và phát triển nhằm nâng cao chất lượng dân số. Trong năm phối hợp tổ chức truyền thông về công tác dân số trên địa bàn huyện, cụ thể: Phối hợp truyền thông trên đài của huyện 30 tin, bài; phát thanh trên hệ thống loa xã 120 lượt; truyền thông ngoại khoá 24 buổi; Phối hợp tổ chức hội nghị chuyên đề 15 hội nghị chuyên đề và 01 “phiên tòa giả định” tuyên truyền xử lý vi phạm về tảo hôn. Tuyên truyền tại bản 518 buổi cho 16.130 đối tượng; Tuyên truyền, tư vấn tại hộ trên 1.195 hộ gia đình. Phối hợp các ban ngành xã, thị trấn can thiệp tảo hôn được 22 trường hợp có nguy cơ cao tại các xã. Chủ trì tổ chức tập huấn chuyên môn cho đội ngũ thực hiện công tác dân số, KHHGD với 5 lớp cho 170 lượt người tham dự (Viên chức y tế, dân số và y tế bản)

- Duy trì các hoạt động mô hình, đề án nâng cao chất lượng dân số:

+ Mô hình giảm thiểu tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống: Phối hợp tham mưu UBND huyện tổ chức 01 hội nghị chuyên đề bàn giải pháp giảm thiểu tình trạng tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, 01 “Phiên tòa giả định” tuyên truyền về Luật Hôn nhân và Gia đình; Phối hợp tổ chức 01 hội nghị chuyên đề tại huyện và 13 hội nghị tại xã; tổ chức tuyên truyền 20 buổi; Tuyên truyền ngoại khóa 16 buổi tại 13 trường THCS và Trường THPT Bình Lư, Dân tộc nội trú huyện; Phối hợp với Huyện đoàn tổ chức tuyên truyền 01 buổi cho đoàn viên thanh niên.

+ Tổng số trẻ sinh trong năm: 963 trẻ, trong đó trẻ là con thứ 3 trở lên: 184 trẻ (không vi phạm chính sách 28 trẻ); tỷ lệ bà mẹ sinh con thứ 3 trở lên chiếm 16,2%, tương đương so với cùng kỳ; tỷ số giới tính khi sinh ở mức 105,8 bé trai/100 bé gái, so với cùng kỳ giảm 9,38 điểm%.

+ Thực hiện chính sách dân số trên địa bàn: Phối hợp thực hiện chi trả cho phụ nữ sinh con đúng chính sách theo Nghị định 39/2015/NĐ-CP với 14 trường hợp, kinh phí 28 triệu đồng; Chi trả cho phụ nữ là dân tộc có khó khăn đặc thù theo Chương trình mục tiêu quốc gia với 04 trường hợp, kinh phí 12 triệu đồng; Chi trả chính sách theo Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐND tổng 157,2 triệu, trong đó: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có chồng sinh con đúng chính sách tự

nguyện áp dụng biện pháp tránh thai dài hạn 358 trường hợp.

* Khó khăn, tồn tại:

- Trong năm 2023 có 318 cặp kết hôn, trong đó tảo hôn 57 cặp, chiếm 17,9% so với cùng kỳ giảm 3,4% số cặp kết hôn và giảm 02 cặp.

- Số vi phạm chính sách dân số năm 2023 là 156 trường hợp sinh con thứ 3 trở lên, trong đó cán bộ, đảng viên, viên chức 03 trường hợp (*Bản Bo 01, Nà Tăm 01 và Sơn Bình 01*). Vi phạm Luật hôn nhân và gia đình với 57 cặp tảo hôn.

6.2. Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe

- Tham mưu UBND huyện ban hành 05 kế hoạch (03 kế hoạch năm và 02 kế hoạch giai đoạn về phòng chống tác hại của thuốc lá, tác hại của rượu bia); 02 công văn chỉ đạo về phòng chống thuốc lá điện tử và tham mưu kiện toàn BCD, ban hành quy chế hoạt động của BCD phòng chống tác hại của thuốc lá. Kiện toàn Tổ truyền thông và công tác viên tại đơn vị; Thành lập trang Fanpage thực hiện các nội dung tuyên truyền, cung cấp thông tin về chăm sóc sức khỏe nhân dân, thông tin của ngành y tế.

- Phối hợp với tuyên truyền 27 tin, bài; trên trang thông tin điện tử ngành 01 tin; Trang WEB, fanpage của TTYT 62 tin, bài; trên hệ thống loa truyền thanh xã, bản 329 tin; thăm hộ gia đình 1.283 lượt; thảo luận nhóm 4 lượt; tư vấn sức khỏe 78.604 lượt; nói chuyện trực tiếp 1.284 lượt. Chấp hành 01 cuộc giám sát phòng, chống tác hại của thuốc lá của BCD phòng, chống tác hại của thuốc lá tỉnh.

7. Hoạt động y tế cơ sở và công tác xây dựng xã đạt tiêu chí Quốc gia

* Hoạt động y tế cơ sở: Mạng lưới Y tế cơ sở tiếp tục được quan tâm đầu tư; 100% trạm đã có cơ sở vật chất đạt tiêu chí từ 9-15 phòng làm việc; 38,5% trạm y tế có bác sỹ biên chế tại trạm. Chất lượng hoạt động y tế cơ sở từng bước được cải thiện; công tác y tế dự phòng được tăng cường; tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không để dịch bệnh lớn xảy ra trên địa bàn. Cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư, đáp ứng theo quy định Bộ Y tế.

* Công tác xây dựng xã đạt tiêu chí quốc gia:

- Duy trì 100% xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2020 theo Quyết định 4667/QĐ-BYT, kết quả rà soát chấm điểm các xã đạt trung bình từ 84-90 điểm.

- Kết quả đánh giá chấm điểm xã đạt tiêu chí năm 2023 các xã đạt trung bình từ 81-86 điểm, đủ điều kiện trình hội đồng thẩm định tỉnh xem xét công nhận xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến năm 2030 theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế, cụ thể:

- (1) Thị trấn Tam Đường đạt 81/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (2) Xã Bình Lư đạt 81,5/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (3) Xã Sơn Bình đạt 83,5/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (4) Xã Bản Bo đạt 86,5/100 điểm; không có tiêu chí liệt.

- (5) Xã Nà Tăm đạt 82,5/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (6) Xã Khun Há đạt 81/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (7) Xã Hồ Thầu đạt 83/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (8) Xã Bản Hon đạt 83/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (9) Xã Bản Giang đạt 85/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (10) Xã Giang Ma đạt 82/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (11) Xã Thèn Sin đạt 81,5/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (12) Xã Nùng Nàng đạt 81/100 điểm; không có tiêu chí liệt.
- (13) Xã Tả Lèng đạt 82/100 điểm; không có tiêu chí liệt.

8. Hoạt động công tác Dược, trang thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng

8.1. Công tác Dược: Tổng số danh mục thuốc tại bệnh viện 437 danh mục; danh mục thuốc tại trạm y tế xã 147 danh mục.

- Tổng tiền thuốc, vật tư tồn chuyên sang năm 2023 trên 3,3 tỷ đồng.
- + Tổng tiền thuốc, vật tư, hoá chất nhập đến 30/11/2023 trên 8,6 tỷ đồng.
- + Tổng tiền thuốc, vật tư, hoá chất xuất đến 30/11/2023 trên 8,58 tỷ đồng.
- Tổng tồn cuối kỳ trên 3,34 tỷ đồng.

8.2. Trang thiết bị y tế: Công tác quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị y tế được quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn; thường xuyên rà soát có kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng, thay thế, điều chuyển kịp thời, tổ chức kiểm kê định kỳ theo đúng quy định 1 năm /2 lần; Năm 2023 Trung tâm Y tế được bổ sung 15 máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh (10 máy thở; 01 máy phân tích miễn dịch; 01 máy xét nghiệm nước tiểu; 02 máy điện tim; 01 tủ lạnh)

8.3. Cơ sở hạ tầng: Cơ sở vật chất tiếp tục được đầu tư, xây mới đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn. Trong năm đơn vị được đầu tư sửa chữa trạm y tế xã Giang Ma: tiền chi sửa chữa 270.000.000đ. Sửa chữa nhà kho lưu trữ hồ sơ, nhà vệ sinh, nhà bếp nhà ăn: 600.000.000 đ; Các sửa chữa nhỏ được quan tâm kịp thời cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Tiếp nhận nguồn đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19 do Sở Y tế làm chủ đầu tư: đầu tư xây mới khu điều trị 2 tầng, tổng kinh phí đầu tư 12.000 triệu đồng; đầu tư 5 danh mục trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh.

9. Nghiên cứu khoa học: Phát triển phong trào thi đua phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu khoa học nhằm áp dụng nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh. Tạo điều kiện cho các cán bộ đăng ký sáng kiến, đề tài nghiên cứu, áp dụng các kỹ thuật mới vào công tác điều trị. Đơn vị đã có 4 đề tài và 4 sáng kiến được Hội đồng nghiên cứu khoa học Sở Y tế công nhận; 01 sáng kiến đề xuất Hội đồng nghiên cứu cấp tỉnh công nhận.

10. Triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Trung tâm đã triển khai các văn bản chỉ đạo của cấp trên, tham mưu cho UBND huyện Tam Đường ban hành kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về lĩnh vực Y tế. Xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

10.1. Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng Nông thôn mới

- **Tiêu chí 15.1:** Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm Y tế ($\geq 90\%$):

* Kết quả đạt: Có 7/12 xã tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 90% so với bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Giang Ma 92%; Khun Há 98,8%, Nà Tăm 99,8%, Sơn Bình 97,7%, Tả Lèng 99%; Bản Bo 97,1%; Bản Hòn 95%).

* Tồn tại, khó khăn: Có 5/12 xã tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt dưới 90% so với bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Hồ Thầu 83,48%; Bản Giang 82%; Bình Lư 78,3%; Thèn Sin 87%; Nùng Nàng 79%).

- **Tiêu chí 15.2:** Xã đạt tiêu chí Quốc gia về y tế: Duy trì 12/12 xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế theo Quyết định 4667/QĐ-BYT.

- **Tiêu chí 15.3:** Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 24\%$:

* Kết quả đạt: Có 7/12 xã tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi $\leq 24\%$, đạt chỉ tiêu so với quy định trong bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Hồ Thầu 23,6%; Bản Giang 20,66%; Bản Hòn 19,91%; Bình Lư 17,23%; Bản Bo 18,91%; Sơn Bình 24%; Nà Tăm 23,61%).

* Tồn tại, khó khăn: Có 5/12 xã tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi trên 24%, không đạt chỉ tiêu so với bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới (Giang Ma 35,15%; Khun Há 29,1%; Tả Lèng 25,44%; Thèn Sin 24,2%; Nùng Nàng 29%).

10.2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN (DA7)

* Kết quả thực hiện:

- Tổ chức siêu âm, sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh tại 4 xã thuộc vùng III (Sơn Bình, Nà Tăm, Giang Ma và Tả Lèng); kết quả: Siêu âm thai cho 113 phụ nữ; xét nghiệm sàng lọc trước sinh cho 27 phụ nữ; khám thai cho 113 phụ nữ. Sàng lọc trước sinh thực hiện 232 ca (siêu âm 165 ca, xét nghiệm 67 ca, đạt 23,6% so với tổng phụ nữ mang thai, đạt 111% KH năm); Sàng lọc sơ sinh 162 ca, đạt 16,8% so với trẻ đẻ sống trong năm, đạt 78,1% KH năm.

- Hoạt động chăm sóc sức khỏe Người cao tuổi: Tổ chức tập huấn 01 lớp với 50 học viên tham dự; Tuyên truyền trực tiếp 104 buổi, qua hệ thống loa truyền thanh 27 lượt; Thực hiện tuyên truyền và phối hợp thực hiện khám và quản lý hồ sơ sức khỏe cho 3.506/3.883 người cao tuổi, đạt 90,3%.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép CSSKSS/KHHGD tại 4 xã thuộc vùng III (Giang Ma, Nà Tăm, Sơn Bình và Tả Lèng) và 02 chiến dịch nhỏ tại xã Bản Giang và Bản Bo. Mô hình Tư vấn, KSK tiền hôn nhân: Tổ chức hội nghị chuyên đề tại 2 xã (Bản Hòn và Nùng Nàng) thực hiện tư vấn, khám sức

khỏe và xét nghiệm sàng lọc tại 4 xã với 220 ca, đạt 100% KH năm.

- Thực hiện kế hoạch hóa gia đình mới 2.247/2.205 ca, đạt 102% KH.

- Tỷ lệ cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai hiện đại 8.295/11.766 đạt 70,5%, tương đương so với cùng kỳ.

Các chỉ tiêu, nhiệm vụ khác đã được triển khai và tổ chức thực hiện theo kế hoạch được giao.

* Tồn tại, khó khăn:

Tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sơ sinh đạt thấp một phần do kinh phí hàng năm giao muộn, đối tượng qua thời gian cần lấy mẫu.

10.3. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững (Tiểu dự án 2-DA3 Cải thiện dinh dưỡng)

* Kết quả thực hiện: Đã chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch hoạt động, lựa chọn nội dung và giao chỉ tiêu kế hoạch cho các xã, thị trấn. Chỉ đạo các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện hiệu quả.

* Tồn tại, khó khăn:

- Văn bản hướng dẫn của Bộ Y tế chậm, muộn điều chỉnh theo Quyết định 4944 ngày 27/11/2014. Đến tháng 9/2023 Bộ Y tế ban hành quyết định 3452/QĐ-BYT thay thế quyết định 1768/QĐ-BYT của BYT để tháo gỡ khó khăn vì vậy phải điều chỉnh nhiều lần ảnh hưởng đến triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung Tiểu dự án.

- Đã mua được sản phẩm dinh dưỡng cho trẻ bị suy dinh dưỡng lứa tuổi 6-59 tháng, tuy nhiên chưa mua được sản phẩm cho trẻ 6 đến dưới 16 tuổi.

- Kinh phí năm 2023 thực hiện Tiểu Dự án 2 Dự án 3 Cải thiện dinh dưỡng 344/920 triệu đạt 37,4%. Tồn chuyển năm 2024 là 576 triệu.

II. Ý KIẾN SAU KIỂM TRA

1. Đoàn kiểm tra

- Đề nghị trung tâm khắc phục những khó khăn tồn tại, có kế hoạch khắc phục những tồn tại mà đoàn đã chỉ ra.

- Phát triển DMKT: Bố trí, đào tạo cán bộ y tế tại Trạm Y tế tuyến xã theo đủ cơ cấu cán bộ: luân phiên có thời hạn đối với bác sỹ về trạm y tế, tăng cường công tác đào tạo cán bộ YHCT, ...

- Hồ sơ SKĐT: Phối hợp VNPT tỉnh bổ sung tính năng xóa, cập nhật dữ liệu HSSK điện tử cho cơ sở. Chuẩn dữ liệu đầu ra theo quy định đảm bảo tất cả người dân đã có hồ sơ SKĐT đều được cập nhật thông tin sức khỏe lên phần mềm sau mỗi lần khám và điều trị.

- Củng cố lại kho vắc xin, bổ sung quạt thông gió, tiếp tục rà soát tổ chức tiêm bổ sung đối tượng đảm bảo đúng quy định.

- Chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn đạt hiệu quả theo đúng quy định.

2. Trung tâm Y tế huyện

- Quan tâm hướng dẫn xây dựng đề án xã hội hoá về công tác y tế.
- Bổ sung nhân lực, quan tâm công tác đào tạo bác sỹ do tỷ lệ bác sỹ/vạn dân không đạt so với Nghị quyết của HĐND tỉnh yêu cầu >13 bác sỹ.
- Tuyển dụng cán bộ Công nghệ thông tin cho đơn vị để thực hiện việc quản lý dữ liệu thanh quyết toán đối với cơ quan BHXH. Bên cạnh đó để thực hiện có hiệu quả hoạt động trang thông tin điện tử của đơn vị.
- Quan tâm đầu tư bổ sung trang thiết bị phù hợp chuyên môn bác sỹ đã được đào tạo để triển khai thực iệ dịch vụ kỹ thuật tăng danh mục kỹ thuật. Trang thiết bị phục vụ các hoạt động truyền thông như máy tính xách tay, máy ảnh,...
- Quan tâm bổ sung kinh phí sửa chữa một số hạng mục công trình cơ sở hạ tầng đã xuống cấp để đảm bảo cho các hoạt động chuyên môn.
- Hằng năm cấp kinh phí hoạt động các chương trình mục tiêu quốc gia sớm để triển khai thực hiện không để kết dư cuối năm. Trường hợp kinh phí còn tồn cuối năm trước đề nghị cho chuyển sang đầu năm sau tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ tránh gián đoạn.
- Các đơn vị chuyên môn tuyển tỉnh (Chi cục DS-KHHGD) bổ sung đầy đủ phương tiện tránh thai để triển khai thực hiện chương trình; cần chủ động cấp sớm và thường xuyên thuốc tiêm, vật tư tiêu hao để thực hiện trong các chiến dịch.
- Trung tâm Y tế nghiêm túc khắc phục những tồn tại hạn chế mà đoàn đã chỉ ra trong thời gian sớm nhất.

3. Kết luận của Lãnh đạo Sở Y tế

- Xây dựng phương án tiếp nhận và điều trị bệnh nhân Covid.
- Tiếp nhận và xử dụng có hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được đầu tư của các dự án.
- Thực hiện quản lý và sử dụng tài sản công theo đúng quy định.
- Quy hoạch đào tạo cán bộ, thực hiện quy trình bổ nhiệm bố trí đảm bảo tiêu chuẩn đúng quy định phù hợp với các tiêu chí chất lượng bệnh viện. Tìm nguồn bố trí cử đi đào tạo bổ sung y tế thôn bản cho các bản còn thiếu.
- Ngoài trang thiết bị Sở Y tế rà soát bổ sung, đối với trang thiết bị thông thường phục vụ công tác chuyên môn của các khoa và trạm y tế Trung tâm cần chủ động từ nguồn kinh phí thường xuyên của đơn vị.
- Đối với kinh phi được phân bổ cải tạo cơ sở hạ tầng cần ưu tiên hạng mục công trình quan trọng phục vụ chuyên môn.
- Quản lý các bệnh lây nhiễm, tăng cường giám sát ca bệnh và xử lý an toàn. Quan tâm hoạt động khám, phát hiện, quản lý bệnh không lây nhiễm theo hướng dẫn của Bộ Y tế.
- Chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN được Sở Y tế giao. Tham mưu UBND huyện chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện Cải thiện dinh

dưỡng thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững. Quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí chương trình, dự án đúng theo quy định.

- Chủ động thực hiện kiểm tra, giám sát và báo cáo kịp thời các hoạt động y tế cơ sở, hoạt động các chương trình mục tiêu, dự án trên địa bàn.

- Chú trọng công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát, phát hiện xử lý ca, vụ ngộ độc trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch, sớm khắc phục tồn tại đã được kiểm tra.

Trên đây là Thông báo Kết quả kiểm tra, đánh giá hoạt động y tế cơ sở năm 2023 tại Trung tâm Y tế huyện Tam Đường./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Tam Đường;
- TTYT Huyện Tam Đường;
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Chi cục Dân số - KHHGD;
- Trung tâm KSBT tỉnh;
- Lưu: VT, KHTC.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**

**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Thế Phong**